

THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH TIỀN TỆ

ISSN 1859-2805

FINANCIAL
& MONETARY
MARKET REVIEW

NĂM THỨ XXII
Số 12
(477)
NĂM 2017

CƠ QUAN NGÔN LUẬN CỦA HIỆP HỘI NGÂN HÀNG VIỆT NAM



**Quốc hội chính thức thông qua
Nghị quyết về xử lý nợ xấu**

KỶ NIỆM 92 NĂM NGÀY BÁO CHÍ CÁCH MẠNG VIỆT NAM (21/6/1925 - 21/6/2017)

**Báo chí tăng cường tuyên truyền,
cùng các hiệp hội thúc đẩy liên kết doanh nghiệp**

THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH TIỀN TỆ

FINANCIAL & MONETARY MARKET REVIEW

HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP

TS. Nguyễn Toàn Thắng - Chủ tịch
TS. Lê Công
PGS.TS. Trần Thị Hà
PGS.TS. Đinh Thị Diên Hồng
TS. Dương Thu Hương
TS. Phùng Khắc Kế
TS. Nguyễn Đức Kiên
TS. Cấn Văn Lực
GS.TS. Đặng Thị Bình Minh
PGS.TS. Nguyễn Thị Mùi
TS. Vũ Việt Ngạn
PGS.TS. Nguyễn Thị Nhung
PGS.TS. Nguyễn Hồng Sơn
TS. Nguyễn Văn Thành
ThS. Nguyễn Đức Vinh

TỔNG BIÊN TẬP

ThS. Trần Thị Thanh Bích

PHÓ TỔNG BIÊN TẬP

Nguyễn Thị Thanh Hương

TRÌNH BÀY

Đặng Huy Hoàng

TÒA SOẠN

193 Bà Triệu,

Quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

Điện thoại:

(04) 38218685; 39742309; 38218683

Fax:

(04) 39742307

Email:

thitruongtaichinhiente@vnba.org.vn
taichinhiente@yahoo.com

Website:

<http://www.vnba.org.vn>

Tài khoản:

Tạp chí Thị trường tài chính tiền tệ.
Số hiệu: 12010006089393
tại Ngân hàng TMCP Đầu tư
và Phát triển Việt Nam,
chi nhánh Sở giao dịch 1.
191 Bà Triệu, Hà Nội.

VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN PHÍA NAM

Số 8 Võ Văn Kiệt
Quận 1 TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại:

(08) 38216608; 38213957

Fax:

(08) 38296076

Giấy phép hoạt động số 343/GP-BTTT
ngày 28/6/2016
(Giấy phép cũ số 54/GP-BVHTT)
Ché bản điện tử tại Tòa soạn
In tại Công ty TNHH MTV In Tạp chí
Công sản
Khuôn khổ 22cmx32cm - 44 trang,
xuất bản 02 kỳ/tháng

Giá: 15.000 Đồng

Trong Số này

Số 12 (477) - Năm 2017

THỜI SỰ

- 1 QUỐC HỘI CHÍNH THỨC THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT VỀ XỬ LÝ NỢ XÂU
LC



3

HOẠT ĐỘNG NGÂN HÀNG

- 3 5 THÁNG ĐẦU NĂM 2017, DIỄN BIẾN TIỀN TỆ VÀ HOẠT ĐỘNG NGÂN HÀNG
ỐN ĐỊNH
MINH QUANG
- 4 "TRIỂN KHAI BIG DATA THÀNH CÔNG CÀN CHIẾN LƯỢC TỔNG THỂ"
PHẠM NGÀ
- 11 BSR DỰ KIẾN IPO TRONG QUÝ IV/2017
HƯƠNG HÀ



12

DIỄN ĐÀN NGHIÊN CỨU VỀ TÀI CHÍNH - TIỀN TỆ

- 12 CHÍNH SÁCH TÍN DỤNG NGÂN HÀNG CHO PHÁT TRIỂN CÁC MÔ HÌNH
LIÊN KẾT VÀ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO TRONG NÔNG NGHIỆP
TS. LÊ ĐÌNH HẠC
- 18 TÍN DỤNG NGÂN HÀNG GẮN VỚI CHUYỂN ĐỔI KINH TẾ HỘ NÔNG DÂN
PHẠM VĂN TIỀN
- 22 BÀN VỀ CẠNH TRANH TRONG HOẠT ĐỘNG NGÂN HÀNG Ở VIỆT NAM
HIỆN NAY
HOÀNG XUÂN QUẾ
- 27 ỨNG DỤNG HỢP ĐỒNG HOÀN ĐỔI TIỀN TỆ CHÉO BẢO HIỂM RỦI RO
TRONG HOẠT ĐỘNG KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU
TS. NGUYỄN MINH SÁNG - THS. HUỲNH VŨ MAI TRÂM



27

NHÌN RA THẾ GIỚI

- 32 KINH NGHIỆM PHÁT TRIỂN NGÂN HÀNG BỀN VỮNG TẠI MỘT SỐ NỀN
KINH TẾ ĐANG PHÁT TRIỂN
THIỀN HƯƠNG
- 37 CHUYỂN ĐỔI CÁC TỔ CHỨC TÀI CHÍNH VI MÔ BÁN CHÍNH THỨC: KINH
NGHIỆM TỪ CÁC QUỐC GIA MỸ LATINH
TH.S NGUYỄN THỊ HƯƠNG GIANG



32

TƯ VẤN PHÁP LUẬT - NGHIỆP VỤ

- 39 ĐIỀU CHỈNH HẠN MỨC TRẢ BẢO HIỂM TIỀN GỬI
HOÀNG QUYỀN



44

VĂN HÓA - XÃ HỘI

KỶ NIÊM 92 NĂM NGÀY BÁO CHÍ CÁCH MẠNG VIỆT NAM
(21/6/1925 - 21/6/2017)

- 41 HỌC TẬP TƯ TƯỞNG, ĐẠO ĐỨC, PHONG CÁCH LÀM BÁO CỦA CHỦ TỊCH
HỒ CHÍ MINH
NGUYỄN VĂN THANH
- 43 "BÁO CHÍ VÀ DOANH NGHIỆP MÀI LÀ BẠN ĐỒNG HÀNH"
LÊ CHUNG
- 44 BÁO CHÍ TĂNG CƯỜNG TUYỂN TRUYỀN, CÙNG CÁC HIỆP HỘI THÚC ĐẨY
LIÊN KẾT DOANH NGHIỆP
PHAN ANH



ANH: XUÂN TRƯỜNG

ỨNG DỤNG HỢP ĐỒNG HOÁN ĐỔI TIỀN TỆ CHÉO BẢO HIỂM RỦI RO TRONG HOẠT ĐỘNG KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU

**TS. NGUYỄN MINH SÁNG
THS. HUỲNH VŨ MAI TRÂM**

Tóm tắt: Hợp đồng hoán đổi tiền tệ chéo là sản phẩm tài chính phái sinh giúp cho các ngân hàng đa dạng hóa sản phẩm cung cấp cho khách hàng để gia tăng nguồn thu và phòng vệ rủi ro cho chính ngân hàng trong hoạt động kinh doanh tiền tệ. Bài viết phân tích khả năng ứng dụng hợp đồng hoán đổi tiền tệ chéo (CCS) cho các công ty kinh doanh xuất nhập khẩu tại Việt Nam nhằm bảo hiểm rủi ro tỷ giá và rủi ro lãi suất phát sinh trong quá trình hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Từ khóa: hoán đổi tiền tệ chéo (CCS); hoán đổi lãi suất (IRS); hoán đổi lãi suất - tiền tệ chéo (CCIRS).

APPLICATION OF CROSS CURRENCY SWAP FOR RISK INSURANCE IN IMPORT- EXPORT TRADING ACTIVITIES

Abstract: Cross currency swap contract is a financial derivative product to help bank diversifying products offered to customers to increase sources of income and hedge risks for banks themselves in forex trading activities. This article analyzes the ability to use cross currency swap contract in import- export companies for the purpose of exchange rate and interest rate risk insurance.

Key words: cross currency swap, interest rate swap, cross currency – interest rate swap

1. Đặt vấn đề

Trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, các dòng tiền nội tệ cũng như ngoại tệ xuất hiện liên tục theo các kỳ hạn khác nhau khiến các công ty kinh doanh xuất nhập khẩu (công ty XNK) luôn đối mặt với rủi ro lãi suất và rủi ro tỷ giá do trạng thái luồng tiền và trạng thái ngoại hối không cân bằng. Để hỗ trợ các công ty XNK phòng vệ cho rủi ro lãi suất cũng như rủi ro tỷ giá thì các ngân hàng thương mại (NHTM)

thường cung cấp các sản phẩm tín dụng phái sinh và ngoại hối phái sinh giúp các công ty XNK cân bằng trạng thái luồng tiền và trạng thái ngoại hối.

Bài viết này sẽ giới thiệu hợp đồng hoán đổi tiền tệ chéo (Cross currency swap -CCS) hay hoán đổi lãi suất chéo giữa hai loại tiền tệ (Cross currency interest rate swap - CCIRS) - một sản phẩm tín dụng lãi ngoại hối phái sinh, cũng như khả năng ứng dụng hợp đồng này trong

hoạt động phòng vệ rủi ro của các công ty XNK tại Việt Nam.

2. Hợp đồng hoán đổi tiền tệ chéo

Ngân hàng Trung ương Anh (2004) định nghĩa sản phẩm hoán đổi lãi suất chéo giữa hai loại tiền tệ (CCIRS) hay sản phẩm hoán đổi tiền tệ chéo (CCS) là hợp đồng trao đổi các khoản thanh toán lãi suất của hai loại tiền tệ khác nhau. Camille (2015) cho rằng hợp đồng hoán đổi tiền tệ chéo là một thỏa thuận pháp

lý giữa hai bên để trao đổi thanh toán lãi và gốc của hai loại tiền tệ khác nhau trên cơ sở định kỳ trong một khoảng thời gian nhất định.

Hướng dẫn sử dụng dịch vụ của UniCredit Bank (2013) thì cho rằng hợp đồng hoán đổi tiền tệ chéo là sự trao đổi việc thanh toán lãi suất trên một số đồng tiền danh nghĩa cố định giữa hai bên ký kết hợp đồng. Ngoài việc trao đổi thanh toán lãi suất vay phải trả hoặc lãi suất thanh toán phải thu, có hai sự trao đổi nguồn vốn vay hoặc cho vay bằng hai loại tiền tệ khác nhau vào thời điểm bắt đầu ký kết hợp đồng và vào ngày đáo hạn của sản phẩm hoán đổi tiền tệ chéo. Tùy thuộc vào nhu cầu của các bên trong hợp đồng mà sự trao đổi nguồn vốn vay hoặc cho vay bằng hai loại tiền tệ khác nhau ban đầu có thể được thực hiện hay không thực hiện (Naoki, 2005). Dựa vào lãi suất áp dụng cho từng loại tiền tệ được áp dụng, sản phẩm hoán đổi tiền tệ chéo được phân chia thành 4 loại cơ bản (Bảng 1).

Ở Việt Nam, giao dịch hoán đổi ngoại hối được Ngân hàng Nhà nước (NHNN) cho phép thực hiện từ ngày 10/01/1998 với Quyết định số 17/1998/QĐ-NHNN. Tuy nhiên, đến năm 2003 với Quyết định 1133/2003/QĐ-NHNN, thì nghiệp vụ hoán đổi

THEO QUY
ĐỊNH CỦA
NHNN (2015),
SẢN PHẨM
HOÁN ĐỔI LÃI
SUẤT GIỮA HAI
ĐỒNG TIỀN
HOẶC HOÁN
ĐỔI TIỀN TỆ
CHÉO LÀ GIAO
KẾT GIỮA NGÂN
HÀNG VỚI
KHÁCH HÀNG,
TRONG ĐÓ CÁC
BÊN THỎA
THUẬN ĐỊNH KỲ
THANH TOÁN
CHO NHAU
KHOÁN TIỀN LÃI
BẰNG HAI
ĐỒNG TIỀN
KHÁC NHAU
TÍNH TRÊN GIÁ
TRI KHOÁN
VỐN DANH
NGHĨA.

lãi suất mới chính thức được cho phép thực hiện trên thị trường Việt Nam. Đến Quyết định số 62/2006/QĐ-NHNN của NHNN thì nghiệp vụ hoán đổi tiền tệ chéo mới được quy định tại mục 2 điều 4, theo đó hoán đổi lãi suất giữa hai đồng tiền hay hoán đổi lãi suất tiền tệ chéo, trong đó việc trao đổi vốn gốc đầu kỳ do các bên thỏa thuận thực hiện hoặc không thực hiện, nhưng bắt buộc phải có trao đổi vốn gốc vào cuối kỳ theo tỷ giá được thỏa thuận từ ngày hợp đồng có hiệu lực (Ngân hàng Nhà nước, 2006).

Theo quy định của NHNN (2015), sản phẩm hoán đổi lãi suất giữa hai đồng tiền hoặc hoán đổi tiền tệ chéo là giao kết giữa ngân hàng với khách hàng, trong đó các bên thỏa thuận định kỳ thanh toán cho nhau khoản tiền lãi bằng hai đồng tiền khác nhau tính trên giá trị khoản vốn danh nghĩa. Việc trao đổi hoặc không trao đổi giá trị khoản vốn danh nghĩa do hai bên thỏa thuận, trường hợp có trao đổi giá trị khoản vốn danh nghĩa ban đầu hoặc từng phần trong kỳ hoặc cuối cùng thì áp dụng theo tỷ giá cố định được thỏa thuận phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về tỷ giá tại thời điểm hai bên ký kết hợp đồng phái sinh lãi suất. Theo định nghĩa trên thì các hợp đồng hoán đổi tiền tệ chéo ở Việt Nam có các đặc điểm: (i) Có thể trao đổi vốn gốc đầu kỳ hoặc không do các bên thỏa thuận; (ii) Xuất hiện việc trao đổi lãi định kỳ giữa các đồng tiền dựa trên số vốn gốc đã trao đổi ban đầu hoặc giá trị vốn gốc danh nghĩa của các đồng tiền; (iii) Tỷ giá tại các thời điểm hoán đổi được xác định trước vào ngày hợp

đồng CCS có hiệu lực.

3. Ứng dụng hợp đồng hoán đổi tiền tệ chéo

Để phân tích rõ hơn về tiềm năng ứng dụng hợp đồng hoán đổi tiền tệ chéo cũng như các bước triển khai và lợi ích của công ty XNK khi sử dụng hợp đồng, nhóm nghiên cứu phân tích chi tiết 3 tình huống điển hình như sau: (i) Tình huống CCS cho công ty xuất khẩu trao đổi vốn gốc đầu kỳ; (ii) Tình huống CCS cho công ty nhập khẩu trao đổi vốn gốc cuối kỳ và (iii) Tình huống CCS cho công ty XNK trao đổi vốn gốc đầu kỳ.

3.1. CCS cho công ty xuất khẩu trao đổi vốn gốc đầu kỳ (Bảng 2 và Hình 1)

Công ty ABC ký kết hợp đồng xuất khẩu vào ngày 01.04.20XX và sẽ nhận được thanh toán số tiền 1.01 triệu USD vào ngày 01.07.20XX. Tuy nhiên, hiện tại vào ngày 01.04.20XX công ty ABC có nhu cầu vay vốn bằng VND để sử dụng.

Tại thời điểm 01.04.20XX công ty ABC vừa sợ lãi suất VND tăng và vừa lo ngại USD sẽ giảm giá. Để đối phó với rủi ro lãi suất và rủi ro tỷ giá trong trường hợp này công ty ABC ký kết hợp đồng hoán đổi tiền tệ chéo với ngân hàng TSB. Chi tiết của hợp đồng hoán đổi tiền tệ chéo như sau:

- Ngày hiệu lực của hợp đồng: 01.04.20XX
- Tỷ giá hoán đổi thỏa thuận: 1 USD = 22.900 VND
- Lãi suất USD cố định 4.00%/ năm cho kỳ hạn 3 tháng
- Lãi suất VND thả nổi 10.00%/ năm cho kỳ hạn 3 tháng
- Ngày đáo hạn của hợp đồng: 01.07.20XX

Công ty ABC có thể rút ngắn thời hạn trạng thái

BẢNG 1. PHÂN LOẠI SẢN PHẨM HOÁN ĐỔI TIỀN TỆ CHÉO

Loại sản phẩm	Lãi suất áp dụng của đồng tiền thứ 1	Lãi suất áp dụng của đồng tiền thứ 2
1	Cố định	Thả nổi
2	Cố định	Thả nổi
3	Thả nổi	Cố định
4	Thả nổi	Cố định

Nguồn: Tổng hợp của nhóm tác giả

luồng tiền và phòng ngừa rủi ro lãi suất cũng như tỷ giá thông qua hợp đồng CCS theo các bước như sau:

- Tại thời điểm ngày 01.04.20XX:

Ký kết hợp đồng tín dụng vay 22.9 tỷ VND (theo đúng số tiền công ty nhận được từ bán giao ngay 1 triệu USD)

+ Ký kết hợp đồng CCS trao đổi vốn gốc đầu kỳ số tiền 1 triệu USD: Công ty cho ngân hàng vay 22.9 tỷ VND và nhận lại 1 triệu USD từ ngân hàng

+ Bán 1 triệu USD lấy 22.9 tỷ VND để sử dụng theo nhu cầu

- Tại thời điểm ngày 01.07.20XX:

+ Nhận thanh toán tiền hàng xuất khẩu 1.01 triệu USD

+ Tất toán hợp đồng CCS: Công ty nhận 23.4725 tỷ VND từ ngân hàng và thanh toán 1.01 triệu USD từ hợp đồng xuất khẩu cho ngân hàng

+ Tất toán hợp đồng tín dụng ngày 01.04.20XX số tiền 23.4725 tỷ VND.

Kết quả phân tích dòng tiền của công ty ABC sau khi sử dụng hợp đồng CCS xuất khẩu trao đổi vốn gốc đầu kỳ, công ty ABC đã đạt được các yêu cầu về việc phòng ngừa rủi ro tỷ giá và lãi suất như sau:

- Tại thời điểm ngày 01.04.20XX công ty ABC có vốn 22.9 tỷ VND để sử dụng theo nhu cầu sử dụng vốn của công ty.

- Bảo hiểm được rủi ro lãi suất cho hợp đồng tín dụng ký kết vào ngày 01.04.20XX vì được ngân hàng TSB thanh toán số tiền theo lãi suất thả nổi đúng theo hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Bảo hiểm được rủi ro tỷ giá khi không sợ USD giảm giá vào thời điểm đáo hạn ngày 01.07.20XX vì đã ký kết hợp đồng hoán đổi và thỏa thuận thanh toán số USD nhận được theo hợp đồng xuất khẩu cho ngân hàng TSB.

Chi phí sử dụng vốn thấp, công ty ABC được sử dụng vốn bằng VND với lãi suất thả nổi cao nhưng chỉ phải trả lãi suất cố định bằng USD với chi phí thấp hơn.

3.2. CCS cho công ty nhập khẩu trao đổi vốn gốc cuối kỳ (Bảng 3)

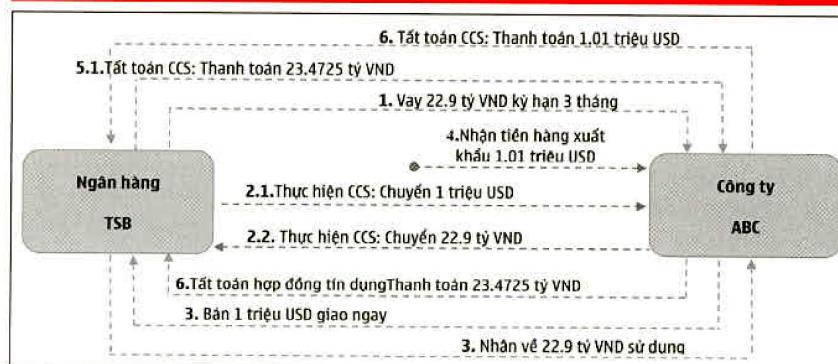
Công ty ABC có hợp đồng nhập

**BẢNG 2. BẢNG PHÂN TÍCH DÒNG TIỀN CÔNG TY ABC
THEO HỢP ĐỒNG CCS TRAO ĐỔI VỐN GỐC ĐẦU KỲ**

Thời điểm	Giao dịch	Dòng tiền (+/-)	
		VND	USD
01.04.20XX	1. Ký kết hợp đồng tín dụng VND kỳ hạn 3 tháng	+ 22.9 tỷ	
	2. Ký kết và thực hiện CCS trao đổi gốc đầu kỳ:		
	2.1. Nhận 1 triệu USD từ ngân hàng TSB	- 22.9 tỷ	+ 1 triệu
	2.2. Chuyển cho ngân hàng TSB 22.9 tỷ VND từ hợp đồng tín dụng		
01.07.20XX	3. Bán 1 triệu USD giao ngay	+ 22.9 tỷ	- 1 triệu
	Luồng tiền ròng	+ 22.9 tỷ	0
	4. Nhận tiền hàng xuất khẩu		+ 1.01 triệu
01.07.20XX	5. Tất toán hợp đồng CCS		
	5.1. Thanh toán gốc và lãi khoản vay 1 triệu USD cho ngân hàng TSB		- 1.01 triệu
	5.2. Nhận gốc và lãi khoản cho ngân hàng TSB vay số tiền 22.9 tỷ VND	+ 23.4725 tỷ	
	6. Tất toán hợp đồng tín dụng ngày 01.04.20XX	- 23.4725 tỷ	
	Luồng tiền ròng	0	0

Nguồn: Tổng hợp của nhóm tác giả

**HÌNH 1: SƠ ĐỒ DÒNG TIỀN THEO HỢP ĐỒNG CCS
TRAO ĐỔI VỐN GỐC ĐẦU KỲ**



Nguồn: Tổng hợp của nhóm tác giả

khẩu 1 triệu USD đáo hạn ngày 01.04.20XX và sẽ có dòng tiền 23.4725 tỷ VND về vào ngày 01.07.20XX. Hiện tại vào ngày 01.04.20XX công ty ABC ký kết hợp đồng tín dụng vay ngân hàng TSB số tiền 1 triệu USD để thanh toán tiền hàng nhập khẩu.

Tại thời điểm 01.04.20XX, công ty ABC đối mặt với các rủi ro chính: (i) rủi ro tỷ giá khi USD tăng giá vào thời điểm đáo hạn hợp đồng tín dụng; (ii) rủi ro thanh khoản khi không thể mua USD để thanh toán hợp đồng vào ngày đáo hạn hợp đồng tín dụng 01.07.20XX.

Để bảo hiểm rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản công ty ABC có thể sử dụng hợp đồng CCS với các điều khoản theo tình huống 1 như sau:

- Tại thời điểm ngày 01.04.20XX:

- + Ký kết hợp đồng tín dụng vay 1 triệu USD thanh toán hợp đồng nhập khẩu

- + Ký kết hợp đồng CCS trao đổi vốn gốc cuối kỳ số tiền 1 triệu USD: Thỏa thuận trên danh nghĩa, không trao đổi vốn gốc vào ngày 01.04.20XX, công ty ABC cho ngân hàng vay 22.9 tỷ VND và ngân hàng TSB cho công ty ABC vay 1 triệu USD.

Sử dụng 1 triệu USD thanh toán

hợp đồng nhập khẩu đáo hạn ngày 01.04.20XX

- Tại thời điểm ngày 01.07.20XX:
Nhận thanh toán tiền hàng số tiền 23.4725 tỷ VND

+ Tất toán hợp đồng CCS: Công ty ABC thanh toán cho ngân hàng số tiền 23.4725 tỷ VND và nhận về 1.01 triệu USD từ ngân hàng TSB.

+ Tất toán hợp đồng tín dụng vay USD ngày 01.04.20XX số tiền gốc và lãi là 1.01 triệu USD - Số USD này được lấy từ hợp đồng CCS.

Sau khi sử dụng hợp đồng CCS để phòng ngừa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản, công ty ABC đã bảo hiểm được rủi ro và đáp ứng được các mục tiêu:

- Tại thời điểm ngày 01.04.20XX công ty ABC có 1 triệu USD để thanh toán hợp đồng nhập khẩu.

Phòng tránh được rủi ro tỷ giá vì tỷ giá hoán đổi cho hợp đồng CCS đã được cố định vào thời điểm 01.04.20XX. Công ty ABC không sợ USD sẽ tăng giá vào thời điểm 01.07.20XX.

- Đảm bảo khả năng thanh khoản theo hợp đồng CCS từ ngân hàng TSB để thanh toán cho hợp đồng tín dụng vay USD sẽ đáo hạn vào ngày 01.07.20XX.

3.3. CCS cho công ty xuất nhập khẩu trao đổi vốn gốc đầu kỳ (Bảng 4)

Công ty ABC ký kết hợp đồng xuất khẩu vào ngày 01.04.20XX và sẽ nhận được thanh toán số tiền 1.01 triệu USD vào ngày 01.07.20XX. Tuy nhiên, hiện tại vào ngày 01.04.20XX công ty ABC có nhu cầu thanh toán hợp đồng nhập khẩu nguyên liệu đã ký kết trước đó với số tiền 1 triệu USD.

Tại thời điểm 01.04.20XX, nếu công ty ABC vay VND để mua USD giao ngay thì công ty đối mặt với các rủi ro chính: (i) lãi suất các khoản vay VND sẽ tăng; (ii) giá USD sẽ giảm vào ngày 01.07.20XX. Trong trường hợp này, công ty ABC sẽ ký kết CCS với ngân hàng TSB với các thông tin chi tiết như tình huống 1 theo các bước như sau:

- Tại thời điểm ngày 01.04.20XX:
+ Ký kết hợp đồng tín dụng vay

BẢNG 3. BẢNG DÒNG TIỀN CÔNG TY ABC THEO HỢP ĐỒNG CCS NHẬP KHẨU TRAO ĐỔI GỐC CUỐI KỲ

Thời điểm	Giao dịch	Dòng tiền (+/-)	
		VND	USD
01.04.20XX	1. Ký kết hợp đồng tín dụng USD kỳ hạn 3 tháng		+ 1 triệu
	2. Thanh toán hợp đồng nhập khẩu số tiền 1 triệu USD		- 1 triệu
	Luồng tiền ròng	0	0
01.07.20XX	3. Nhận thanh toán tiền hàng VND	+ 23.4725 tỷ	
	4. Tất toán hợp đồng CCS		+ 1.01 triệu
	4.1. Nhận thanh toán gốc và lãi khoản cho vay 1 triệu USD từ ngân hàng TSB		
	4.2. Thanh toán gốc và lãi khoản ngân hàng TSB vay số tiền 22.9 tỷ VND	- 23.4725 tỷ	
	5. Tất toán hợp đồng tín dụng ngày 01.04.20XX		- 1.01 triệu
	Luồng tiền ròng	0	0

Nguồn: Tổng hợp của nhóm tác giả

Bảng 4. Bảng dòng tiền công ty ABC theo hợp đồng CCS xuất nhập khẩu trao đổi vốn gốc đầu kỳ

Thời điểm	Giao dịch	Dòng tiền (+/-)	
		VND	USD
01.04.20XX	1. Ký kết hợp đồng tín dụng VND kỳ hạn 3 tháng	+ 22.9 tỷ	
	2. Ký kết và thực hiện CCS trao đổi gốc đầu kỳ:		
	2.1. Nhận 1 triệu USD từ ngân hàng TSB		+ 1 triệu
	2.2. Chuyển cho ngân hàng TSB 22.9 tỷ VND từ hợp đồng tín dụng	- 22.9 tỷ	
	3. Thanh toán hợp đồng nhập khẩu số tiền 1 triệu USD		- 1 triệu
	Luồng tiền ròng	0	0
01.07.20XX	4. Nhận tiền hàng xuất khẩu		+ 1.01 triệu
	5. Tất toán hợp đồng CCS		- 1.01 triệu
	5.1. Thanh toán gốc và lãi khoản vay 1 triệu USD cho ngân hàng TSB		
	5.2. Nhận gốc và lãi khoản cho ngân hàng TSB vay số tiền 22.9 tỷ VND	+ 23.4725 tỷ	
	6. Tất toán hợp đồng tín dụng ngày 01.04.20XX	- 23.4725 tỷ	
	Luồng tiền ròng	0	0

Nguồn: Tổng hợp của nhóm tác giả

22.9 tỷ VND (theo đúng số VND công ty cần chuyển cho ngân hàng theo CCS)

+ Ký kết hợp đồng CCS trao đổi vốn gốc đầu kỳ số tiền 1 triệu USD: Công ty cho ngân hàng vay 22.9 tỷ VND và nhận lại 1 triệu USD từ ngân hàng

+ Sử dụng 1 triệu USD thanh toán hợp đồng nhập khẩu nguyên liệu

- Tại thời điểm ngày 01.07.20XX:
+ Nhận thanh toán tiền hàng xuất khẩu 1.01 triệu USD

+ Tất toán hợp đồng CCS: Công ty nhận 23.4725 tỷ VND từ ngân hàng

và thanh toán 1.01 triệu USD từ hợp đồng xuất khẩu cho ngân hàng

+ Tất toán hợp đồng tín dụng ngày 01.04.20XX số tiền 23.4725 tỷ VND.

Kết quả sau khi sử dụng hợp đồng CCS, công ty ABC đã đạt được các mục tiêu như sau:

- Tại thời điểm ngày 01.04.20XX công ty ABC có 1 triệu USD để thanh toán hợp đồng nhập khẩu nguyên liệu đã ký kết trước đó.

- Trạng thái luồng tiền ròng của công ty vào ngày 01.04.20XX và 01.07.20XX bằng không nên công ty phòng tránh được rủi ro lãi suất.

Công ty được ngân hàng TSB
thanh toán lãi suất VND thả
nổi để đảm bảo thanh toán
cho hợp đồng tín dụng đã ký
kết trước đó.

- Công ty ABC cũng phòng
ngừa được rủi ro tỷ giá vì
trạng thái ngoại hối cũng cân
bằng và không sợ USD sẽ
giảm giá vào ngày
01.07.20XX.

4. Một vài khuyến nghị

Qua quá trình phân tích các tình huống điển hình về việc áp dụng hợp đồng hoán đổi tiền tệ chéo (CCS) cho các công ty kinh doanh XNK có thể nhận thấy:

CCS giúp các công ty kinh doanh XNK cân bằng trạng thái luồng tiền từ đó có thể phòng chống được rủi ro lãi suất.

CCS giúp các công ty kinh doanh XNK phòng ngừa rủi ro tỷ giá do các tỷ giá hoán đổi trong hợp đồng CCS đã được xác định vào ngày hợp đồng có hiệu lực.

CCS giúp các công ty kinh doanh XNK đảm bảo được khả năng thanh khoản và có thể được sử dụng đóng tiền đang cần với chi phí của đóng tiền khác với lãi suất thấp hơn.

CCS cũng giúp các NHTM Việt Nam đa dạng hóa các sản phẩm cung cấp để đáp ứng nhu cầu của khách hàng, gia tăng thu nhập từ các hoạt động tín dụng và kinh doanh ngoại tệ cùng các khoản thu từ phí dịch vụ khác.

Từ kết quả phân tích những lợi ích mà CCS mang lại cho các công ty kinh doanh XNK và cả NHTM cung cấp dịch vụ, tác giả đề xuất một số khuyến nghị nhằm phát triển sản phẩm này trên thị trường tài chính Việt Nam như sau:

Về phía các công ty kinh doanh XNK: cần chủ động tìm hiểu và tận dụng các ưu điểm



CCS giúp các NHTM Việt Nam đa dạng hóa các sản phẩm cung cấp để đáp ứng nhu cầu của khách hàng

của hợp đồng hoán đổi tiền tệ chéo nhằm phòng vệ rủi ro lãi suất, rủi ro tỷ giá và tiết kiệm chi phí cho công ty.

Về phía các NHTM: Hoàn thiện quy trình nghiệp vụ liên quan đến sản phẩm hoán đổi tiền tệ chéo, gắn với việc tích cực tuyên truyền quảng bá và giới thiệu sản phẩm cho khách hàng có nhu cầu sử dụng dịch vụ, nhất là đối với các công ty có hoạt động kinh doanh XNK. Bên cạnh đó, các NHTM cũng cần tổ chức các khóa đào tạo cho đội ngũ nhân viên trực tiếp thực hiện nghiệp vụ và cũng như các giao dịch đối ứng để tự phòng vệ sau khi cung cấp dịch vụ cho khách hàng.

Về phía Ngân hàng Nhà nước: Tiếp tục bổ sung để hoàn thiện Thông tư 01/2015/TT-NHNN nhằm tạo hành lang pháp lý thông thoáng và chi tiết hơn để các NHTM có thêm dư địa cung cấp sản phẩm dịch vụ nhưng đồng thời cũng phải đảm bảo an toàn của hệ thống ngân hàng.

Việc ứng dụng hợp đồng hoán đổi tiền tệ chéo nhằm bảo hiểm rủi ro lãi suất và tỷ giá trong hoạt động kinh doanh của các công ty kinh

HỢP ĐỒNG
HOÁN ĐỔI TIỀN
TÊ CHÉO GIÚP
CÁC CÔNG TY
KINH DOANH
XNK CÂN BẰNG
TRẠNG THÁI
LƯƠNG TIỀN TỨ
ĐÓ CÓ THỂ
PHÒNG CHỐNG
ĐƯỢC RỦI RO
LÃI SUẤT

HỢP ĐỒNG
HOÁN ĐỔI TIỀN
TÊ CHÉO GIÚP
CÁC CÔNG TY
KINH DOANH
XNK CÂN BẰNG
TRẠNG THÁI
LƯƠNG TIỀN TỨ
ĐÓ CÓ THỂ
PHÒNG CHỐNG
ĐƯỢC RỦI RO
LÃI SUẤT

doanh XNK sẽ ngày càng trở nên phổ biến khi các công ty cũng như ngân hàng cung cấp dịch vụ nhận ra những lợi ích mà sản phẩm tài chính phái sinh này mang lại cho các bên liên quan. Tuy nhiên, trong quá trình áp dụng cần cẩn trọng và đảm bảo an toàn từ các hợp đồng tín dụng gốc và nhu cầu vốn thực sự từ hoạt động sản xuất kinh doanh để tránh các rủi ro khác có thể xảy ra ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

Bank of England (2004), 'Markets and Operations'. *Quarterly Bulletin*, Vol. 44, 2.

Camille, D. C. (2015), 'Cross-currency basis swaps: A primer', BNP Paribas working paper - Online at: https://rss-globalmarkets.bnpparibas.com/r/0617_X-ccy_Basis_A_Primer_2015_Last.pdf?ft=AusNAjioPvn8hDhN0rr3X&stream=true

Naoki, S. (2005). 'Actual factors to determine cross-currency basis swaps: An empirical study on US dollar/Japanese yen basis swap rates from the late 1990s', *Development Bank of Japan*

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (2006), 'Quy chế thực hiện giao dịch hoán đổi lãi suất', Quyết định 62/2006/QĐ-NHNN

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (2015). 'Quy định hoạt động kinh doanh, cung ứng sản phẩm phải sinh lãi suất của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài'. Thông tư 01/2015/TT-NHNN

UniCredit Bank (2013), 'Cross-Currency Swap', Product guide.